TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Đ **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 748/2024/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 23 tháng 08 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Đ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 709/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị Trương Hương T, sinh năm 1988; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Số 15 hẻm 119/1/5 H, phường N, quận Đ, Thành phố H;

Anh Phạm Duy N, sinh năm 1986; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Tổ 1, phường T, quận T, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Hương T và anh Phạm Duy N kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 04 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, đã hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay anh, chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị T và anh N có hai con chung là Phạm Khánh A, sinh ngày 04/04/2017 và Phạm Duy L, sinh ngày 12/11/2020. Ly hôn, anh chị thỏa thuận giao chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Anh N cấp dưỡng

nuôi hai con chung một lần với số tiền là 2.000.000.000 (*Hai tỷ*) đồng cho đến khi các con chung thành niên.

[3] Về tài sản chung: Chị T và anh N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ: Chị T và anh N xác nhận không nợ ai và không cho ai vay, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về lệ phí: Chị T tự nguyện chịu cả tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Hương T và anh Phạm Duy N.

- Về con chung: Chị T và anh N có hai con chung là Phạm Khánh A, sinh ngày 04/04/2017 và Phạm Duy L, sinh ngày 12/11/2020. Giao chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Anh N cấp dưỡng nuôi hai con chung một lần với số tiền là 2.000.000.000 (*Hai tỷ*) đồng cho đến khi các con chung thành niên. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ tháng 8/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác thay thế.

Anh N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung (Động sản và bất động sản): Chị T và anh N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ: Chị T và anh N xác nhận không nợ ai và không cho ai vay, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, đã nộp tại Giấy thu tiền tạm ứng lệ phí Toà án số 000001690819 ngày 15/08/2024 đơn vị nhận tiền là Chi cục Thi hành án dân sự quận Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Đ;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu; Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Quân